

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-01-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Trí;

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:
Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2017/TLST-HNGĐ, ngày 06/11/2017 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/12/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hà T1, sinh năm 1993 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1994 (Vắng mặt không có lý do).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2017, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Hà T1 trình bày:

Chị và anh T2 tự tìm hiểu nhau hơn 01 năm, đến năm 2012 thì tổ chức đám cưới, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 29/04/2014. Việc vợ chồng kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay đe dọa.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thường xuyên cự cãi lời qua tiếng lại, do đó hai người đã sống ly thân từ tháng 8/2016 đến nay, trong thời gian ly thân hai bên không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn.

Nay chị thấy tình cảm giữa chị và anh T2 không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Chị và anh T2 có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 19/8/2013, hiện nay cháu N đang do anh T2 nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2, chị thống nhất giao cháu N cho anh T2 được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T2 không có tài sản chung, không có nợ chung, nay anh T2 vắng mặt, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T2: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ra Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất, lần thứ hai nhưng anh T2 vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết các Văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ vào các Điều 177, 179 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T1, anh T2 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp, việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay đe dọa. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2016 đến nay. Sau khi sống ly thân anh, chị không gặp nhau để trao đổi nhằm hàn gắn lại tình cảm, khi thụ lý vụ án Tòa án đã động viên chị T1 đoàn tụ với anh T2 nhưng chị T1 không đồng ý.

[2.1] Xét thấy tình cảm giữa chị T1 và anh T2 là không được hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T1 đối với anh T2 là phù hợp.

[2.3] Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 19/8/2013, hiện nay cháu N đang do anh T2 nuôi dưỡng, chị T1 thống nhất giao cháu N cho anh T2 được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị T1 là phù hợp với Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nên được công nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Theo chị T1 trình bày chị và anh T2 không có tài sản chung, không có nợ chung, nhưng vắng mặt anh T2 và tại phiên tòa chị T1 không yêu cầu Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[2.5] Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 177, 179 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hà T1 đối với anh Nguyễn Văn T2.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 19/8/2013 đang do anh T2 nuôi dưỡng, cho anh T2 được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Chị T1 phải cấp dưỡng nuôi con, với mức cấp dưỡng hàng tháng là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 30/01/2018;

Chị Trần Thị Hà T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Hà T1 phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình, 300.000đ án phí dân sự, tổng cộng là 600.000đ, được trừ vào số T2 tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số: BO/2014- 00672 ngày 06/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị T1 còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T1 có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, anh T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Thanh Bình;
- Chi cục THADS H.Thanh Bình;
- Các Đương sự;
- UBND thị trấn Gạch Gò;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Bùi Văn Toán